ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: 1115 /QĐ-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về Xây dựng và quản lí ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng và các trường thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề thi và chấm thi theo định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng, đánh giá và cấp chứng nhận chứng chỉ tiếng Việt cho người nước ngoài;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy định về việc xây dựng và quản lí ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các ông/ bà Trưởng các phòng chức năng, Trưởng các khoa, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để th/hiện);
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VT, K. Ngữ văn, KT&ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. LƯU TRANG

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÍ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1115 /QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 07 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng câu hỏi thi (NHCHT) trong quy định này được hiểu là bộ câu hỏi thi chuẩn hoá được xây dựng dựa trên ma trận kiến thức theo Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài ban hành theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); có kèm theo ma trận đề thi, đáp án và thang điểm chi tiết dùng để kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài ở bốn kĩ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết).

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các đối tượng tham gia thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài, bao gồm:

a) Người học là người nước ngoài đã hoàn thành các chương trình bồi dưỡng tiếng Việt ngắn hạn tại Trường và các chương trình hè cho lưu học sinh các nước có nhu cầu.

b) Người nước ngoài có nhu cầu tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài.

Điều 2. Khái niệm ngân hàng câu hỏi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài

1. Ngân hàng câu hỏi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài là tập hợp các câu hỏi chuẩn hoá; bao phủ nội dung kiến thức, kĩ năng liên quan được quy định trong Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

2. Các câu hỏi thi có thể được tập hợp thành đề thi dùng để đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài dựa vào việc sử dụng ma trận đề thi.

3. NHCHT bao gồm các câu hỏi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài 6 bậc được quy định trong Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Quy định là cơ sở để các đơn vị trong Trường phối hợp tổ chức thực hiện công tác xây dựng, quản lí và sử dụng NHCHT để đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài theo đúng quy định.

2. Yêu cầu

a) NHCHT đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài đảm bảo bao quát các nội dung, yêu cầu kĩ năng đối với năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được quy định trong Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ GD&ĐT.

b) NHCHT được thử nghiệm, định cỡ và chuẩn hoá; đảm bảo tính phù hợp về nội dung và phương pháp đánh giá.

c) Đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng trong đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài.

d) Đảm bảo đánh giá đúng và phân hoá được năng lực người học.

e) NHCHT được định kì rà soát, cập nhật và hoàn thiện.

g) Đảm bảo tính bảo mật trong việc quản lí NHCHT.

Điều 4. Nội dung xây dựng và quản lí ngân hàng câu hỏi

1. Các nội dung xây dựng NHCHT dựa vào quy định về Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài ban hành theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ GD&ĐT.

2. NHCHT bao gồm các đề thi cho 6 bậc năng lực tiếng Việt như sau:

Sơ cấp	Bậc 1
	Bậc 2
Trung cấp	Bậc 3
	Bậc 4
Cao cấp	Bậc 5
	Bậc 6

3. NHCHT bao phủ đầy đủ các kĩ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

4. Việc tổng hợp các câu hỏi thành đề thi căn cứ vào ma trận đề thi. Việc tổng hợp và quản lí NHCHT được thực hiện trên phần mềm chuyên dụng, đảm bảo an toàn dữ liệu và bảo mật.

Chương II
TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Quy trình xây dựng và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi

1. Thành lập Ban Điều hành và Nhóm Chuyên gia và lập kế hoạch triển khai xây dựng NHCHT chuẩn hoá ,

2. Xây dựng ma trận kiến thức, ma trận đề thi,

3. Soạn thảo câu hỏi thô,

4. Rà soát, chọn lọc, biên tập và thẩm định câu hỏi,

5. Thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi,

6. Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm,

7. Xây dựng dề thi, thử nghiệm, phân tích, đánh giá, cân bằng độ khó của đề thi,

8. Hiệu chỉnh câu hỏi sau thử nghiệm,

9. Rà soát, lựa chọn, nhập các câu hỏi vào NHCHT chuẩn hoá,

10. Tổ chức bổ sung ngân hàng câu hỏi thi theo định kì.

Điều 6. Nội dung và trình tự thực hiện

1. Thành lập Ban Điều hành và Nhóm Chuyên gia xây dựng NHCHT chuẩn hóa.

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ và kế hoạch xây dựng NHCHT từng giai đoạn; căn cứ năng lực của đội ngũ cán bộ và chuyên gia để thành lập Nhóm Chuyên gia tham gia xây dựng NHCHT và Ban Điều hành theo để thực hiện các nhiệm vụ.

2. Xây dựng ma trận kiến thức, ma trận đề thi

a) Căn cứ Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài, nhóm chuyên gia xây dựng ma trận kiến thức theo từng lĩnh vực kĩ năng đánh giá (nghe, nói, đọc, viết) bao gồm: mục tiêu đánh giá, dạng thức câu hỏi, thang bậc năng lực đánh giá, độ khó câu hỏi, số lượng câu hỏi cho mỗi nội dung đánh giá và các yêu cầu khác (nếu có);

b) Nhóm chuyên gia xây dựng ma trận đề thi, để làm căn cứ để tổng hợp đề thi từ NHCHT bao gồm các yêu cầu: Tổng số câu hỏi của đề thi, số lượng câu hỏi của từng lĩnh vực kiến thức trong đề thi, độ khó của mỗi câu hỏi, thang điểm cho từng câu hỏi;

c) Trường thành lập Hội đồng để nghiệm thu ma trận kiến thức và ma trận đề thi trước khi tiến hành các nội dung tiếp theo.

3. Soạn thảo câu hỏi thô

a) Căn cứ ma trận nội dung kiến thức, Trưởng nhóm chuyên gia phân công nhiệm vụ viết câu hỏi thi cho từng thành viên; các thành viên xây dựng ý tưởng và soạn thảo nội dung câu hỏi. Sau khi các thành viên biên soạn xong, Trưởng nhóm chuyên gia tổ chức thẩm định, biên tập và duyệt câu hỏi thi.

b) Kết thúc biên soạn, Trưởng nhóm chuyên gia bàn giao sản phẩn cho Ban Điều hành để tổ chức rà soát, chọn lọc, biên tập và thẩm định câu hỏi.

4. Rà soát, chọn lọc, biên tập và thẩm định câu hỏi

a) Căn cứ tình hình thực tế, Ban Điều hành tham mưu thành lập các nhóm chuyên gia để rà soát, chọn lọc và thẩm định câu hỏi.

b) Chuyên gia thẩm định nội dung câu hỏi về nội dung chuyên môn, lời dẫn, các phương án trả lời theo yêu cầu của ma trận kiến thức.

c) Chuyên gia thẩm định về kỹ thuật viết câu hỏi, lời dẫn và các phương án trả lời của câu hỏi.

d) Các chuyên gia sửa trực tiếp trên câu hỏi hoặc đề xuất các ý kiến chỉnh sửa (nếu có) đối với từng câu hỏi.

e) Sau khi có ý kiến chuyên gia thẩm định câu hỏi, các chuyên gia soạn thảo câu hỏi trực tiếp chỉnh sửa, hoàn thiện câu hỏi.

g) Trưởng nhóm chuyên gia sẽ đọc các ý kiến phản biện, thẩm định của các chuyên gia, rà soát lại các chỉnh sửa của tác giả, trực tiếp hiệu chỉnh và hoàn thiện câu hỏi lần cuối.

5. Thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi

a) Các câu hỏi sau khi được thẩm định, biên tập sẽ được tổ hợp để tiến hành thử nghiệm, đánh giá.

b) Triển khai thử nghiệm các tổ hợp câu hỏi, đảm bảo mẫu thử nghiệm tối thiểu 30 người.

c) Sau khi hoàn thành hoạt động thử nghiệm, tiến hành định cỡ, phân tích dữ liệu kết quả làm bài của thí sinh, đánh giá câu hỏi để đưa ra các nhận định về các tham số: độ khó, độ phân biệt của câu hỏi, độ tin cậy và độ giá trị của câu hỏi thi.

d) Đề xuất điều chỉnh các câu hỏi dựa trên các tham số câu hỏi, loại bỏ những câu hỏi không đảm bảo yêu cầu.

6. Chỉnh sửa các câu hỏi sau thử nghiệm

a) Căn cứ báo cáo kết quả phân tích thử nghiệm câu hỏi, tổ chức các nhóm chuyên gia chỉnh sửa câu hỏi.

b) Các nhóm chuyên gia chỉnh sửa câu hỏi theo kết quả phân tích đảm bảo câu hỏi phù hợp với yêu cầu của ma trận kiến thức, ma trận đề thi đã được phê duyệt.

7. Xây dựng đề thi, thử nghiệm, phân tích, đánh giá, cân bằng độ khó của các đề thi

a) Căn cứ ma trận đề thi, tổ hợp các câu hỏi sau khi chỉnh sửa sẽ được cấu trúc thành các đề thi để tiến hành thử nghiệm.

b) Triển khai thử nghiệm các đề thi, đảm bảo mỗi đề thi được thử nghiệm với dung lượng mẫu tối thiểu là 30 người.

c) Sau thử nghiệm, sử dụng phần mềm chấm thi chuyên dụng, nhập dữ liệu, làm sạch dữ liệu bài làm của thí sinh, chuẩn bị dữ liệu để phân tích, đánh giá đề thi.

d) Các chuyên gia phân tích dữ liệu sử dụng phần mềm chuyên dụng để thực hiện phân tích đề thi, đánh giá độ khó, độ tin cậy, độ giá trị của đề thi; cân bằng độ khó các đề thi; đề xuất những câu hỏi cần chỉnh sửa, loại bỏ/bổ sung những câu hỏi vào đề thi.

8. Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi

a) Căn cứ báo cáo của chuyên gia đánh giá đề thi, tổ chức các nhóm chuyên gia thực hiện chỉnh sửa câu hỏi, hoàn thiện đề thi.

b) Các nhóm chuyên gia chỉnh sửa câu hỏi theo ý kiến đánh giá trong báo cáo phân tích đề thi, đảm bảo các câu hỏi phù hợp với ma trận đề thi đã được phê duyệt.

9. Rà soát, lựa chọn, nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi chuẩn hoá

a) Các câu hỏi sau khi thử nghiệm, chỉnh sửa, hoàn thiện (nếu có) được nhóm chuyên gia rà soát, lựa chọn để đưa vào ngân hàng câu hỏi.

b) Việc quản lý NHCHT được thực hiện bởi phần mềm chuyên dụng, có thể xuất câu hỏi theo: lĩnh vực kiến thức, lĩnh vực kĩ năng, độ khó của câu hỏi, độ phân biệt của câu hỏi.

Điều 7. Quy định cụ thể về ma trận kiến thức

1. Ma trận kiến thức là bảng ma trận mô tả số lượng câu hỏi cần thiết kế tương ứng với mỗi lĩnh vực kiến thức và bậc năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

2. Trưởng nhóm chuyên gia tổ chức phân tích yêu cầu của Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài để xây dựng ma trận kiến thức. Yêu cầu ma trận kiến thức cần bao quát các nội dung đánh giá năng lực tiếng Việt được nêu trong Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

3. Việc thiết kế, phân công cán bộ thiết kế câu hỏi cần căn cứ vào ma trận kiến thức, đảm bảo đầy đủ nội dung đánh giá theo yêu cầu.

4. Ma trận kiến thức được trình bày theo mẫu sau:

Kĩ năng	Lĩnh vực kiến thức	Cấp độ					
		Bậc 1	*Bậc 2*	*Bậc 3*	*Bậc 4*	*Bậc 5*	*Bậc 6*
Nghe	Nghe hội thoại giữa những người Việt	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)
	Nghe trình bày và thảo luận	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)
	Nghe thông báo, hướng dẫn	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)
	Nghe đài và xem truyền hình	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)
Đọc	Đọc tìm thông tin	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)
	Đọc thư từ, văn bản giao dịch	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)
Viết	Viết luận	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)	… (câu)

	Viết báo cáo và tiểu luận	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)
	Viết có tương tác	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)
	Viết thư từ giao dịch	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)
	Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)
	Xử lý văn bản	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)
Nói	Nói độc thoại	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)
	Nói có tương tác	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)	... (câu)

Điều 8. Quy định về định dạng đề thi

1. Đề thi Nghe

a) Thời gian làm bài: 60 phút. Thí sinh chỉ nghe 1 lần.

b) Cấu trúc đề thi: Gồm có bốn phần:

Phần 1: Nghe một phát ngôn, hội thoại ngắn

Phần 2: Nghe các thông báo, hội thoại ngắn

Phần 3: Nghe các bài hội thoại vừa và dài

Phần 4: Nghe các bài diễn văn, bài nói chuyện dài

c) Số lượng câu hỏi: 55 câu, độ khó từ bậc 1 đến bậc 6. Mỗi câu có 4 đáp án, thí sinh chọn câu trả lời đúng nhất trong 4 đáp án.

d) Tổng số điểm: 55 điểm, sau đó quy thành điểm thang điểm 10.

2. Đề thi Đọc

a) Thời gian làm bài: 60 phút

b) Cấu trúc đề thi: Gồm có hai phần với tổng số 40 câu hỏi:

Phần 1: Gồm 2 bài đọc về những vấn đề chung thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, độ khó dành cho bậc 1, 2, 3; tổng độ dài khoảng 900 chữ. Có tất cả 16 câu hỏi, mỗi câu có 4 phương án, thí sinh chọn câu trả lời đúng nhất trong 4 phương án.

Phần 2: Gồm 3 bài đọc về những vấn đề khoa học, văn chương, báo chí dành cho bậc 4, 5, 6; tổng độ dài khoảng 1300 chữ. Có tất cả 24 câu hỏi, mỗi câu có 4 phương án, thí sinh chọn câu trả lời đúng nhất trong 4 phương án.

c) Độ dài toàn bài thi Đọc: khoảng 2200 tiếng, bao gồm 40 câu hỏi.

d) Tổng số điểm: 40 điểm, sau đó quy thành thang điểm 10.

3. Đề thi Nói

a) Thời gian làm bài: 15 phút

b) Cấu trúc đề thi: Gồm có ba phần:

Phần 1: Tương tác xã hội. Giám khảo hỏi thí sinh từ 3 - 6 câu hỏi thuộc một số chủ đề khác nhau.

Phần 2: Thảo luận về giải pháp. Thí sinh được cung cấp một tình huống với một số lựa chọn để giải quyết vấn đề. Thí sinh trình bày giải pháp mà mình cho là tốt nhất và cho biết tại sao mình không chọn các giải pháp khác. Phần này được thiết kế dưới dạng một đoạn văn ngắn, có thể có bản đồ, bảng biểu, hình ảnh.

Phần 3: Phát triển chủ đề. Thí sinh trình bày ý kiến về một chủ đề cho trước. Giám khảo hỏi từ 1 - 3 câu hỏi liên quan đến nội dung của chủ đề. Câu hỏi 01 được thiết kế cho bậc 3. Câu hỏi 02 được thiết kế cho bậc 4. Câu hỏi 03 được thiết kế cho bậc 5, 6.

c) Tổng số điểm: 10 điểm theo thang điểm 10.

4. Đề thi Viết

a) Thời gian làm bài: 60 phút

b) Cấu trúc đề thi: Gồm có ba phần:

Phần 1: Kiểm tra viết chính tả tiếng Việt. Thời gian làm bài: 10 phút. Số từ trong văn bản không quá 120 tiếng. Thí sinh được nghe 1 lần. Điểm: 2,5 điểm.

Phần 2: Kiểm tra kĩ năng viết tương tác. Thời gian làm bài: 20 phút. Số từ tối thiểu phải viết: 120 tiếng. Thí sinh viết một bức thư/e-mail gửi cho một người để hỏi thông tin hoặc trả lời một bức thư/e-mail cho sẵn. Điểm: 2,5 điểm.

Phần 3: Viết theo chủ đề. Thời gian làm bài: 30 phút. Số từ tối thiểu: 200 tiếng. Thí sinh viết một bài luận theo chủ đề chung hoặc chủ đề học thuật. Điểm: 5 điểm.

c) Tổng số điểm: 10 điểm theo thang điểm 10.

Điều 9. Quy định về thử nghiệm, phân tích và đánh giá câu hỏi, đề thi

1. Việc thử nghiệm câu hỏi, đề thi được tiến hành trên đối tượng là người nước ngoài đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài theo cấp năng lực tương ứng hoặc là người nước ngoài đã có chứng chỉ năng lực tiếng việt dùng cho người nước ngoài ở cấp tương ứng.

2. Dung lượng mẫu thử nghiệm tối thiểu là 30 người.

3. Kết quả thi thử nghiệm được dùng để phân tích, đánh giá đề thi/câu hỏi. Việc đánh giá đề thi/câu hỏi được thực hiện bởi các cán bộ am hiểu về lý thuyết khảo thí và được thực hiện bằng các phần mềm chuyên dụng.

4. Kết quả phân tích, đánh giá đề thi/câu hỏi được lập thành báo cáo, đề xuất các khuyến nghị để Nhóm chuyên gia chỉnh sửa, hoàn thiện câu hỏi/đề thi.

5. Các chuyên gia viết câu hỏi căn cứ báo cáo đánh giá câu hỏi/đề thi để hiệu chỉnh câu hỏi/đề thi một cách phù hợp.

6. Các đề thi khác nhau cần được cân bằng độ khó, đảm bảo tính công bằng trong kết quả đánh giá ở những đợt thi sử dụng các đề thi khác nhau.

7. Việc phân tích, đánh giá đề thi/câu hỏi được thực hiện xuyên suốt quá trình thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài để phân tích sâu về chất lượng đề thi/câu hỏi và đề xuất các biện pháp điều chỉnh phù hợp, kịp thời.

Chương III
QUẢN LÍ VÀ SỬ DỤNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI

Điều 10. Quản lí ngân hàng câu hỏi thi

1. Sau khi hoàn thành NHCHT, Ban Điều hành ban giao cho đơn vị chức năng của Trường để quản lí và sử dụng.

2. NHCHT được lưu trữ bằng máy tính không có kết nối mạng internet, việc lựa chọn, hoán vị đề thi được thực hiện bằng phần mềm chuyên dụng.

3. Phòng Khảo thí & ĐBCLGD chịu trách nhiệm quản lý NHCHT đảm bảo an toàn và bảo mật.

4. Định kỳ hàng năm, Trường tiến hành rà soát bổ sung NHCHT đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

Điều 11. Sử dụng ngân hàng câu hỏi thi

1. Căn cứ kế hoạch đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài, Nhà trường tiến hành lựa chọn đề thi tương ứng với bậc năng lực cần đánh giá. Việc lựa chọn đề thi được xác nhận bằng biên bản lựa chọn đề thi.

2. Đề thi gốc được hoán vị thành từ 4 đến 6 đề thi khác nhau để phục vụ cho đợt thi. Việc hoán vị đề được thực hiện bằng phần mềm chuyên dụng trên máy tính không có kết nối mạng internet và đảm bảo tính bảo mật.

3. Phòng KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm tổ chức việc tổ hợp, in sao, đóng gói, niêm phong đề thi và lưu giữ đề thi theo chế độ bảo mật.

4. Trưởng phòng KT&ĐBCLGD hoặc người được ủy quyền chịu trách nhiệm kiểm tra, ký duyệt và bảo mật đề thi sau khi đã được tổ hợp.

5. Cán bộ phụ trách nhân bản, đóng gói đề thi chịu trách nhiệm niêm phong và bảo mật đề thi đã ký duyệt sau khi nhân bản, đóng gói và niêm phong đề thi.

6. Phòng KT&ĐBCLGD bàn giao đề thi cho đơn vị tổ chức thi trước giờ thi ít nhất 15 phút, riêng các học phần thi ở địa điểm ngoài cơ sở chính của Trường thì thời gian bàn giao theo thỏa thuận giữa Phòng KT&ĐBCLGD và đơn vị tổ chức thi.

Điều 12. Thanh tra, kiểm tra

Định kì, Bộ phận Thanh tra Pháp chế thuộc Phòng Tổ chức Hành chính tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này theo chức năng, nhiệm vụ và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi thi

1. Kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi thi tiếng Việt dành cho người nước ngoài được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp của Trường hoặc nguồn kinh phí từ các dự án, chương trình được tài trợ.

2. Kinh phí cập nhật, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi tiếng Việt dành cho người nước ngoài hàng năm được lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trường.

3. Các khoản chi trong xây dựng ngân hàng câu hỏi thi được áp dụng theo Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và các qui định tài chính khác hiện hành.

4. Định mức kinh phí cho 01 đề thi bao gồm xây dựng, rà soát, thẩm định, biên soạn, hoàn chỉnh ngân hàng câu hỏi thi được chi theo Dự toán kinh phí chi tiết kèm theo Quy định này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quy định định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các phòng chức năng, khoa, tổ trực thuộc và các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm tổ chức quán triệt, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc cán bộ viên chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị đề xuất với Nhà trường (qua Phòng KT&ĐBCLGD) để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.